

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

- **Người yêu cầu:** Anh Bùi Quốc N, sinh năm: 19XX;

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã M, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

- **Người yêu cầu:** Chị Lê Thị Kim A, sinh năm: 19XX;

Hộ khẩu thường trú: Tổ S, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự ngày 05 tháng 4 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự ngày 05 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Quốc N và chị Lê Thị Kim A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Quốc N và chị Lê Thị Kim A thống nhất thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Bùi Quốc V, sinh ngày 23 tháng 3 năm 20XX và Bùi Quốc C sinh ngày 01 tháng 12 năm 20XX.

Anh N và chị A thỏa thuận giao cháu V và cháu C cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh N sẽ cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Sau khi ly hôn, anh N và chị A vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét.

*Về lệ phí:* Các đương sự thỏa thuận anh N – chị A mỗi người phải chịu lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002021 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (anh N và chị A đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân h.Long Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Long Thành;
- UBND xã Q, huyện H;
- Đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, BP, TP(4).

**THẨM PHÁN**

**(đã ký và đóng dấu)**

**Dương Tấn Hưng**